

Bản án số: 1182/2024/HC-PT

Ngày 01 tháng 11 năm 2024.

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi  
thường giải phóng mặt bằng”.

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Mai Xuân Thành

**Các Thẩm phán:** Ông Hà Huy Cầu

Ông Lê Thành Long

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 550/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường giải phóng mặt bằng”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 97/2024/HC-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3275/2024/QĐPT-HC ngày 15 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường D, KDC N, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm: 1973.  
Địa chỉ: Số A đường D, KDC N, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:** Luật sư Phạm Văn V – Văn phòng Luật sư Công dân và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: Số C, Đường số E, KĐT V, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người bị kiện:**

1/ Ủy ban nhân dân Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:***

- Ông Hồ Thanh P – Phó Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (có đơn xin vắng mặt);

- Ông Nguyễn Tấn T – Phó Chánh Thanh tra xây dựng thành phố T (có đơn xin vắng mặt);

- Ông Nguyễn Minh V1 – Cán sự Thanh tra xây dựng thành phố T (có mặt);

- Ông Trương Văn T1 – Phó trưởng phòng Tiếp dân TTVD & GQKNTC thuộc Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (có mặt);

- Ông Huỳnh T2 – Nhân viên Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (có mặt).

3/ Ủy ban nhân dân Thành phố H (vắng mặt).

Địa chỉ: H, L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Trần Thị N, sinh năm: 1964 (có mặt).

Địa chỉ : Số A Tỉnh lộ 43, khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Người đại diện theo ủy quyền của bà N:*** Bà Bùi Thị Bích V2, sinh năm: 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: 9 N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 25A, đường L, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Trần Thị M, sinh năm: 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số B C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: C1103, Chung cư S, số B, Đường A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M:*** Luật sư Phạm Văn V – Văn phòng Luật sư Công dân và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

3/ Ông Trần Hùng M1, sinh năm: 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: 31 N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: C1103, Chung cư S, số B, Đường A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo ủy quyền của ông M1:** Bà Trần Thị M, sinh năm: 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số B C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: C1103, Chung cư S, số B, Đường A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ông Vũ Viết H (đã chết).

**Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H:**

- Ông Vũ Ngọc H1, sinh năm: 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: E Đường số B, khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Bà Vũ Thu H2, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Vắng mặt.

**Người đại diện theo ủy quyền của ông H1, bà H2:** Bà Trần Thị M, sinh năm: 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số B C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: C1103, Chung cư S, số B, Đường A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm: 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường D, KDC N, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị B, bà Trần Thị M, ông Trần Hùng M1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2021, các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung, bản tự khai và tại phiên tòa, người khởi kiện bà Nguyễn Thị B có ông Nguyễn Quang Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 8/4/2002, bà Nguyễn Thị B cùng với bà Trần Thị N, bà Trần Thị M có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Công T3 lô đất diện tích 812m<sup>2</sup> đường L thuộc một phần thửa 1024, 1025, tờ bản đồ số 03, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó, phần diện tích bà B mua riêng là 164m<sup>2</sup>.

Do bà N, bà M không có hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh, nên đã nhờ ông Trần Hùng M1 đứng tên hộ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 15/4/2002, Ủy ban nhân dân Quận I đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00394QSĐĐ/TNPA cho ông Trần Hùng M1.

Trong quá trình các bên liên quan đang thực hiện các thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất và tách thửa theo quy định pháp luật thì Ủy ban nhân dân Quận I (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) ban hành quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án khu công nghệ cao. Ngày 22/5/2007 ông Trần Hùng M1 có đơn

cam kết không tranh chấp đối với phần đất mà ông M1 đứng tên hộ cho bà B, bà N và ông H (thay cho bà M) và được Ủy ban nhân dân phường T xác nhận ngày 25/5/2007.

Ngày 14/5/2009, bà B nhận được Quyết định số 716/QĐ – U do Ủy ban nhân dân Quận I ban hành ngày 16/4/2009 về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà B diện tích 164m<sup>2</sup> với giá đền bù là 200.000 đồng/m<sup>2</sup>. Không đồng ý nên bà B khiếu nại Quyết định 716/QĐ-UBND-BBT ngày 16/4/2009. Tháng 8/2010 bà B nhận được Quyết định số 411/QĐ-U do Ủy ban nhân dân Quận I ban hành ngày 27/7/2010 về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 716/QĐ-UBND-BBT ngày 16/4/2009 với lý do ban hành quyết định bồi thường không đúng đối tượng sử dụng đất. Bà B tiếp tục khiếu nại cả hai quyết định trên.

Ngày 01/10/2019, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận I trả lời bà B bằng Công văn số 476/BBT và cung cấp thêm cho bà B Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 18/04/2014 của I về việc công bố giá trị bồi thường vật kiến trúc của bà B.

Bà B liên hệ với ông M1 và được biết ông có nhận Quyết định số 2380/QĐ-UBND-BBT của I ngày 30/11/2011 về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với việc thu hồi toàn bộ diện tích 812m<sup>2</sup> thuộc thửa 1024,1025 tờ bản đồ số 03; trong đó có phần diện tích 164m<sup>2</sup> thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà B, Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 18/4/2014 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2380/QĐ-UBND-BBT và Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông Trần Hùng M1, nhưng ông cho rằng ông không liên quan và không có quyền lợi gì nên không có ý kiến và cũng không giao lại hay thông báo cho bà B biết.

Bà B cho rằng toàn bộ khu đất có diện tích 812m<sup>2</sup> thuộc thửa 1024, 1025 tờ bản đồ số 03 phường T, thành phố T không được xác định vị trí là thuộc dự án nào trong khu công nghệ cao, nên Ủy ban nhân dân Quận I ban hành các quyết định bồi thường là không có căn cứ và không đúng quy định pháp luật. Trên cùng một thửa đất, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành nhiều quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho nhiều chủ thể sử dụng đất khác nhau, nội dung quyết định ban hành không đúng đối tượng là người quản lý, sử dụng đất, mặc dù hồ sơ thu hồi đất đã thể hiện rõ chủ sử dụng đất là bà B. Hiện nay khu đất của bà B đang bị bỏ hoang, chưa đưa vào sử dụng cho bất kỳ dự án nào, hay mục đích sử dụng đất nào khác, vì vậy bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy các quyết định:

- Quyết định số 716/QĐ-UBND-BBT ngày 16/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ bà Nguyễn Thị B;

- Quyết định số 411/QĐ-UBND-BBT ngày 27/7/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về việc ban hành Quyết định thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 716/QĐ-UBND-BBT ngày 16/4/2009;

- Quyết định số 2380/QĐ-UBND-BBT ngày 30/11/2011 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc Công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của ông Trần Hùng M1;

- Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 18/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường vật kiến trúc của bà Nguyễn Thị B;

- Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 18/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2380/QĐ-UBND-BBT ngày 30/11/2011 của Ủy ban nhân dân Quận I;

- Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về cưỡng chế thu hồi đất;

- Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (lần đầu).

- Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc bồi thường bổ sung cho ông Trần Hùng M1.

- Một phần Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt chính sách hỗ trợ bổ sung đối với 49 trường hợp có tính chất đặc thù tại Dự án Khu công nghệ cao Thành phố, Quận I theo kết luận của Thanh tra Chính phủ và kết luận, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa B1 tại Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ

Đồng thời thực hiện các thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà B đồng ý để ông Trần Hùng M1 đứng tên toàn bộ hồ sơ bồi thường theo, bao gồm cả phần của bà N, đồng ý để ông M1 phân chia giá trị bồi thường theo tỷ lệ đất của từng người và xin rút yêu cầu hủy một phần Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

\* Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân T tại văn bản số 3713/UBND-BBT ngày 09/6/2021, văn bản số 3006/UBND-BBT ngày 23/5/2022 có ý kiến như sau:

Phần nhà, đất diện tích 812m<sup>2</sup> tọa lạc tại vị trí thuộc thửa 1024, 1025 tờ bản đồ số 03 (theo tài liệu 02/CT-UB) tại phường T đã được Ủy ban nhân dân Quận I cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R957974 cho hộ ông Trần Hùng M1 nằm trong phạm vi giải tỏa dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao tại Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, phần đất diện tích 164m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 1024, 1025 tờ bản đồ số 03 (theo tài liệu 02/CT-UB) tại phường T có nguồn gốc do ông Trần Hùng M1 sang nhượng lại bằng giấy tự lập cho bà Nguyễn Thị B. Ngày 16/4/2009 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 716/QĐ-U về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị B kèm Bảng tính giá trị bồi thường ngày 08 tháng 4 năm 2009.

Ngày 27/7/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 411/QĐ-U về việc thu hồi Quyết định số 716/QĐ-UBND-BBT ngày 16/4/2009

của Ủy ban nhân dân Quận I với Lý do: Ban hành quyết định bồi thường không đúng đối tượng sử dụng đất”.

Ngày 30/11/2011, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 2380/QĐ-U về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần Hùng M1 kèm Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ cùng ngày.

Ngày 14/3/2014, Hội đồng xét nguồn gốc đất phường T đã họp và trích kết luận: “Thống nhất nguồn gốc: Bồi thường toàn bộ phần đất diện tích 812m<sup>2</sup> đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số R957974 ngày 15/4/2002 cho hộ ông Trần Hùng M1.

- Phần vật kiến trúc và cây trồng tách theo biên bản kiểm kê số 333/BBKK ngày 28/3/2003 cho hộ bà Trần Thị N, Biên bản kiểm kê ngày 28/3/2003 cho hộ Vũ Viết H và biên bản kiểm kê số 333/BBKK ngày 28/3/2003 cho hộ bà Nguyễn Thị B.....”. Ngày 18 tháng 4 năm 2014, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 410/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường, kiến trúc của bà Nguyễn Thị B kèm Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 08 tháng 4 năm 2014 là đúng quy định.

Ngày 18 tháng 4 năm 2014, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 222/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2380/QĐ-UBND-BBT.

Do ông M1 không chấp hành thông báo tháo dỡ vật kiến trúc, cây trồng bàn giao mặt bằng cho Ban quản lý dự án Khu Công nghệ cao nên ngày 25/12/2014 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 232/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần Hùng M1 và đã thực hiện công tác cưỡng chế thu hồi đất vào ngày 27/3/2015.

Từ những cơ sở trên, việc Ủy ban nhân dân Quận I (nay là thành phố T) ban hành các Quyết định: Quyết định số 716/QĐ-U ngày 16 tháng 4 năm 2009, Quyết định số 2380/QĐ-UBND-BBT ngày 30 tháng 11 năm 2011, Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2014, Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận I (nay là thành phố T) và Quyết định số 411/QĐ-UBND-BBT ngày 27 tháng 7 năm 2010, Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận I (nay là thành phố T) là đúng theo trình tự, thủ tục, chính sách và phù hợp quy định của pháp luật.

Không đồng ý với Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 18/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận I (nay là thành phố T), bà Nguyễn Thị B đã khiếu nại. Ngày 11/5/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 1651/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B.

Bà B yêu cầu hủy Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T là không có cơ sở vì: Phần diện tích 164m<sup>2</sup> bà Nguyễn Thị B yêu cầu kiểm kê bồi thường, đã được Ủy ban nhân dân Quận I cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số R957974 ngày 15 tháng 4 năm 2002 cho hộ ông Trần Hùng M1 nên việc bà Nguyễn Thị B yêu cầu bồi

thường phần đất diện tích 164m<sup>2</sup> riêng cho bà là không có cơ sở xem xét giải quyết. Mặt khác, căn cứ Bảng quy định bồi thường kèm theo Quyết định 121/QĐ-UB ngày 01 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng Khu công nghệ cao thành phố tại Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh thì trường hợp của bà Nguyễn Thị B chỉ được bồi thường vật kiến trúc, không được giải quyết các chính sách hỗ trợ và tái định cư. Từ những nhận định và căn cứ nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1651/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2021 đối với bà Nguyễn Thị B là đúng theo quy định của pháp luật

Các Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân Quận I, Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 09/7/2020, Quyết định 6469/QĐ-UBND ngày 09/9/2022, Quyết định số 5281/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T đối với hồ sơ bồi thường của bà Trần Thị N là đúng quy định của pháp luật và dựa theo Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt chính sách hỗ trợ bổ sung đối với 49 trường hợp có tính chất đặc thù tại Dự án Khu công nghệ cao Thành phố, Quận I theo kết luận của Thanh tra Chính phủ, do đó Ủy ban nhân dân thành phố T không chấp nhận yêu cầu của ông M1.

Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị B và ông Trần Hùng M1.

\* Người bị kiện Ủy ban nhân dân Thành phố H vắng mặt.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Trần Hùng M1 có bà Trần Thị M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông M1 là người đứng tên quyền sử dụng đất thay cho bà Nguyễn Thị B, Trần Thị N, Trần Thị M đối với phần đất tại phường T, Quận I, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số 00394 QSDĐ/TNP do Ủy ban nhân dân Quận I cấp ngày 15/4/2002. Phần đất này bị thu hồi trong dự án đầu tư xây dựng khu C, tại phường T, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20/6/2012, tại Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh ông M1 có lập hợp đồng ủy quyền số 115099 quyền 9 cho bà Trần Thị N được quyền thay mặt nhân danh bên A liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để lập thủ tục và nộp đơn khiếu nại hoặc khởi kiện các quyết định hành chính. Được liên hệ với cơ quan chức năng để tiến hành các thủ tục về các hành vi đã được ủy quyền, được tham dự các buổi giải quyết khiếu nại hành chính, giải quyết, hòa giải, xét xử của Tòa án và trình bày các yêu cầu, xuất trình chứng cứ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên A.

Trong biên bản làm việc với đoàn thanh tra chính phủ theo Quyết định số 1760/QĐ - TTCP, số 86/BB-ĐTTr, bà Trần Thị N có mặt (theo giấy ủy quyền của ông), đã khai khống: “Vào ngày 18/3/2002, ông M1 có làm giấy tay bán diện tích

812m<sup>2</sup> đất cho bà N”, sau đó bà N lại yêu cầu lập hồ sơ bồi thường cho bà N nhưng thực tế ông không bán đất cho bà N.

Ngày 09/7/2020, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 134/QĐ-UBND giải quyết chính sách bồi thường hỗ trợ bổ sung đối với 49 trường hợp có tính chất đặc thù tại dự án khu công nghệ cao Quận I nhưng không có tên ông M1 mà lại là tên bà Trần Thị N là không đúng đối tượng.

Qua tìm hiểu, ông M1 được biết việc Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định nêu trên cho bà N là do thực hiện theo Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Do đó, ông có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Hủy một phần Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt chính sách hỗ trợ bổ sung đối với 49 trường hợp có tính chất đặc thù tại Dự án Khu công nghệ cao Thành phố, Quận I theo kết luận của Thanh tra Chính phủ và kết luận, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa B1 tại Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng C1;

- Hủy Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc điều chỉnh Quyết định số 1326/QĐ-UBND-BBT ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I;

- Hủy Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 543/QĐ-UBND-TTr ngày 26 tháng 12 năm 2006; Quyết định số 429/QĐ-UBND-BBT ngày 01 tháng 8 năm 2007 và Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I;

- Hủy Quyết định số 6469/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về bố trí tái định cư nền đất đối với hộ bà Trần Thị Ngọc T4 dự án đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao;

- Hủy Quyết định số 5281/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi giá trị bồi thường, hỗ trợ của diện tích 466m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm thuộc một phần thửa 1025 tờ bản đồ số 3 theo TL02/CT-UB tại phường T, thành phố T đối với hộ ông Trần Hùng M1 trong dự án Khu C.

Để ông M1 được đứng tên hồ sơ bồi thường, nhưng không phải để hưởng lợi cho cá nhân ông mà sẽ phân chia lại giá trị bồi thường cho bà M, bà B, bà N một cách công bằng.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M trình bày:

Bà cùng bà Nguyễn Thị B và bà Trần Thị N có mua chung một mảnh đất nông nghiệp 812m<sup>2</sup> của ông Phạm Công T3 tại đường L, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó phần diện tích đất của bà là 182m<sup>2</sup> nhưng ban đầu để ông Vũ Viết H đứng tên giùm, sau đó bà đã nhận lại và làm hồ sơ bồi thường. Cả ba bà cùng thống nhất nhờ anh bà là ông Trần Hùng M1 đứng tên giùm trong hợp đồng mua bán quyền sử dụng đất lập tại phường T vào ngày 20/12/2001, đến ngày



15/4/2002 được Ủy ban nhân dân Quận I cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Trần Hùng M1. Có bản đồ hiện trạng vị trí vẽ ngày 17/02/2002 công ty TNHH T8.

Năm 2002, Ủy ban nhân dân Thành phố H thu hồi và giao đất xây dựng khu công nghệ cao Thành phố thì bà, bà N và bà B đều kê khai đền bù và được Ủy ban nhân dân Quận I ra quyết định bồi thường. Năm 2007, Ủy ban nhân dân Quận I đã ban hành quyết định thu hồi và hủy bỏ quyết định với lý do: Ban hành quyết định bồi thường không đúng đối tượng sử dụng đất và đã ra quyết định trả về đúng chủ sử dụng hợp pháp là ông Trần Hùng M1. Ngày 20/6/2012 bà, bà N và bà B cùng thống nhất nhờ ông M1 lập hợp đồng ủy quyền cho bà N và chị bà là Trần Thị Ánh T5 (đại diện cho bà) đi khiếu kiện, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo tên ông M1 theo tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi được đền bù sẽ chia theo tỷ lệ cho mỗi người, bà N trực tiếp đi khiếu nại, còn bà và bà B sẽ góp tiền. Tuy nhiên, khi có kết quả thì Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định cho bà N được nhận bồi thường theo chính sách hỗ trợ bổ sung đối với 49 trường hợp có tính chất đặc thù tại Dự án Khu công nghệ cao, Quận I là không đúng.

Bà đồng ý để ông Trần Hùng M1 đứng tên trong hồ sơ bồi thường, bà và bà N, bà B sẽ tự thương thảo với nhau sau khi có quyết định của Tòa án.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Viết H đã chết có 02 người con là Vũ Ngọc H1, Vũ Thu H2 ủy quyền cho bà Trần Thị M làm người đại diện trình bày: Ông H chỉ đứng tên giùm để làm hồ sơ bồi thường và khiếu nại đối với phần đất 182m<sup>2</sup> bà M nhận chuyển nhượng từ ông T3, nhưng sau đó đã giao trả lại cho bà M và không có ý kiến hoặc yêu cầu gì.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang Đ trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị B. Ông thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà B.

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N trình bày: Bà cùng với bà B, bà M nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 812m<sup>2</sup> tại phường T của ông Phạm Công T3, do bà và bà M không có hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh nên đã nhờ ông Trần Hùng M1 đứng tên giấy tờ mua của ông T3, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00394QSDĐ/TNP do Ủy ban nhân dân quận I cấp ngày 15/4/2002, trong đó phần của bà là 466m<sup>2</sup>. Bà cùng bà M và bà B đã xác định vị trí, nhận đất và tự quản lý sử dụng. Trên phần đất của mình, tháng 3/2002 bà đã xây dựng 01 căn nhà để sử dụng. Khi nhà đất của bà bị thông báo thuộc quy hoạch khu công nghệ cao thì bà đã trực tiếp đi khiếu nại tại các cơ quan Trung ương và đã được Thanh tra Chính phủ xác định là trường hợp đặc thù, Ủy ban nhân dân Thành phố H chấp thuận cho hưởng bồi thường tại Quyết định 564/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Bà thừa nhận có nhận ủy quyền của ông M1 để đi khiếu nại nhưng việc chấp nhận là của cơ quan chức năng, nhưng bà cũng khiếu nại với tư cách riêng, ký đơn tố cáo với tư cách cá nhân và đã được hưởng các chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với phần đất mình sử dụng theo đúng quy định của pháp luật. Bà

không đồng ý với yêu cầu của ông M1 về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H và yêu cầu hủy các quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 09/7/2020, Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân Quận I, Quyết định 6469/QĐ-UBND ngày 09/9/2022, Quyết định số 5281/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 97/2024/HC-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:**

- Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 60, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 173, Điều 187, Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính 2015;

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

- Căn cứ Điều 66, Điều 67, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011;

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ

*Tuyên xử:*

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt chính sách hỗ trợ bổ sung đối với 49 trường hợp có tính chất đặc thù tại Dự án Khu công nghệ cao Thành phố, Quận I theo kết luận của Thanh tra Chính phủ và kết luận, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình tại Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng CI.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu hủy các Quyết định số:

- Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 18/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường vật kiến trúc của bà Nguyễn Thị B;

- Quyết định số 716/QĐ-UBND-BBT ngày 16/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ bà Nguyễn Thị B;

- Quyết định số 411/QĐ-UBND-BBT ngày 27/7/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về việc ban hành quyết định thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 716/QĐ-UBND-BBT ngày 16/4/2009;

- Quyết định số 2380/QĐ-UBND-BBT ngày 30/11/2011 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của ông Trần Hùng M1;

- Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 18/04/2014 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2380/QĐ-UBND-BBT ngày 30/11/2011;

- Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về cưỡng chế thu hồi đất;

- Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (lần đầu);

- Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Trần Hùng M1.

3. Bác toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Trần Hùng M1 về việc yêu cầu hủy các Quyết định số:

- Một phần Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt chính sách hỗ trợ bổ sung đối với 49 trường hợp có tính chất đặc thù tại Dự án Khu công nghệ cao Thành phố, Quận I theo kết luận của Thanh tra Chính phủ và kết luận, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình tại Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng CI;

- Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc điều chỉnh Quyết định số 1326/QĐ-UBND-BBT ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I;

- Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 543/QĐ-UBND-TTr ngày 26 tháng 12 năm 2006; Quyết định số 429/QĐ-UBND-BBT ngày 01 tháng 8 năm 2007 và Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I;

- Quyết định số 6469/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về bố trí tái định cư nền đất đối với hộ bà Trần Thị Ngọc T4 dự án đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao;

- Quyết định số 5281/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi giá trị bồi thường, hỗ trợ của diện tích 466m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm thuộc một phần thửa 1025 tờ bản đồ số 3 theo TL02/CT-UB tại phường T, thành phố T đối với hộ ông Trần Hùng M1 trong dự án Khu C.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm trọng hạn luật định bà Nguyễn Thị B, Trần Thị M và ông Trần Hùng M1 kháng cáo Bản án cùng nội dung; Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không đối thoại với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ý kiến: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của người kháng cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Bà Nguyễn Thị B khởi kiện các quyết định: Quyết định số 716/QĐ-UBND-BBT ngày 16/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ bà Nguyễn Thị B; Quyết định số 411/QĐ-UBND-BBT ngày 27/7/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về việc ban hành Quyết định thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 716/QĐ-UBND-BBT ngày 16/4/2009; Quyết định số 2380/QĐ-UBND-BBT ngày 30/11/2011 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc Công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của ông Trần Hùng M1; Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 18/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường vật kiến trúc của bà Nguyễn Thị B; Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 18/04/2014 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số số 2380/QĐ-UBND-BBT ngày 30/11/2011 của Ủy ban nhân dân Quận I; Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (lần đầu); Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc bồi thường bổ sung cho ông Trần Hùng M1 để bồi thường cho bà B theo đúng pháp luật.

Ông Trần Hùng M1 khởi kiện các quyết định: Một phần Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt chính sách hỗ trợ bổ sung đối với 49 trường hợp có tính chất đặc thù tại Dự án Khu công nghệ cao Thành phố, Quận I theo kết luận của Thanh tra Chính phủ và kết luận, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa B1 tại Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng C1; Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc điều chỉnh Quyết định số 1326/QĐ-UBND-BBT ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I; Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 543/QĐ-UBND-TTr ngày 26 tháng 12 năm 2006; Quyết định số 429/QĐ-UBND-BBT ngày 01 tháng 8 năm 2007 và Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I; Quyết

định số 6469/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về bố trí tái định cư nền đất đối với hộ bà Trần Thị Ngọc T4 dự án đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao; Quyết định số 5281/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi giá trị bồi thường, hỗ trợ của diện tích 466m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm thuộc một phần thửa 1025 tờ bản đồ số 3 theo TL02/CT-UB tại phường T, thành phố T đối với hộ ông Trần Hùng M1 trong dự án Khu C để bồi thường cho ông Trần Hùng M1.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, Trần Thị M và ông Trần Hùng M1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất 812m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 1024, 1025, tờ bản đồ số 03, phường T, thành phố T.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, và lời thừa nhận của các đương sự, có đủ căn cứ để xác định đất có nguồn gốc của ông Phạm Công T3 chuyển nhượng lại bằng giấy viết tay cho các bà Nguyễn Thị B, Trần Thị N, Trần Thị M. Trong đó, phần diện tích đất bà B nhận chuyển nhượng riêng là 164m<sup>2</sup> theo Hợp đồng chuyển nhượng đất viết giấy tay ngày 08 tháng 04 năm 2002, bà N 466m<sup>2</sup> và bà M 182m<sup>2</sup> (ban đầu để ông Vũ Viết H đứng tên). Do bà M, bà N không có hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh nên cả ba thống nhất nhờ ông Trần Hùng M1 (là anh của bà M) đứng tên giữ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ông M1 xác nhận tại Ủy ban nhân dân phường T ngày 25/5/2007. Ngày 15/04/2002, Ủy ban nhân dân Quận I (nay là UBND thành phố T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ 00394 QSĐĐ/TNP mang tên ông Trần Hùng M1.

Sau khi UBND thành phố T ban hành các quyết định về thu hồi, bồi thường về đất thì ông Trần Hùng M1 có đơn cam kết ngày 22/5/2007 có nội dung cam kết không tranh chấp đối với đất mà ông M1 đứng tên giữ (BL 272). Ngày 26 tháng 7 năm 2011 ông M1 tiếp tục có đơn yêu cầu thừa nhận đất đứng tên giữ, nếu nhà nước có nhu cầu trưng dụng thì liên hệ với các em của ông M1 vợ chồng ông M1 không có quyền lợi liên quan gì (BL262).

[2.2] Xét kháng cáo của ông M1, bà M, bà B cho rằng việc UBND thành phố T ra quyết định bồi thường cho hộ bà N đối với diện tích đất 466m<sup>2</sup> là không đúng; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong diện tích đất 812m<sup>2</sup> mà bà M, bà N, bà B nhận chuyển nhượng từ ông T3 và nhờ ông M1 đứng tên trong GCNQSD đất trong đó đã phân định rõ phần diện tích đất bà B nhận chuyển nhượng riêng là 164m<sup>2</sup> theo Hợp đồng chuyển nhượng đất viết giấy tay ngày 08 tháng 04 năm 2002, bà N 466m<sup>2</sup> và bà M 182m<sup>2</sup>. Trên phần đất 466m<sup>2</sup> này, bà N đã trực tiếp sử dụng, xây dựng nhà trên đất từ tháng 3/2002 và đã bị Chủ tịch I ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4259/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/12/2002.

Ngày 28/3/2003, Tổ đền bù, giải tỏa tiến hành kiểm kê thiệt hại tài sản trong Dự án Khu Công nghệ cao đối với hộ bà Trần Thị Ngọc T6 không số, Tổ A, KP4, phường T, Quận I, về đất bị thu hồi 466m<sup>2</sup>, trong đó có 200m<sup>2</sup> là đất ở, 266m<sup>2</sup> đất

nông nghiệp. Trên đất có 01 căn nhà có diện tích 4m x 5m, thời điểm xây dựng là tháng 3/2002.

Ngày 11/7/2005, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 1326/QĐ-UBND-BBT để bồi thường cho bà Trần Thị N số tiền 144.800.000 đồng do phần đất của bà N bị thu hồi, giải tỏa để thực hiện Dự án Khu Công nghệ cao. Không đồng ý với Quyết định số 1326/QĐ-UBND-BBT, bà N khiếu nại. Ngày 26/12/2006 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 543/QĐ-UBND-TTr giải quyết đơn khiếu nại của bà N.

Ngày 10/11/2006, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 319/QĐ-UBND-BBT để điều chỉnh và hủy bỏ một phần căn cứ Quyết định số 1326/QĐ-UBND-BBT ngày 11/7/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I.

Ngày 01/8/2007, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 429/QĐ-UBND-BBT thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 1326/QĐ-UBND-BBT ngày 11/7/2005 với lý do bồi thường không đúng đối tượng được cấp quyền sử dụng đất hợp pháp.

Ngày 18/4/2014, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 404/QĐ-UBND bồi thường vật kiến trúc cho bà Trần Thị N với tổng số tiền 12.773.000 đồng.

Do bà N không đồng ý với các quyết định nêu trên nên đã khiếu nại tại các cơ quan có thẩm quyền với tư cách cá nhân, ký tên với tư cách cá nhân nên được xem xét với tư cách cá nhân là phù hợp. Ngày 18/02/2020, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 564/QĐ-UBND về phê duyệt chính sách hỗ trợ bổ sung đối với 49 trường hợp có tính chất đặc thù tại Dự án Khu công nghệ cao Quận I theo kết luận của Thanh tra Chính phủ và kết luận, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ. Trong quyết định trên có tên của hộ bà Trần Thị Ngọc .

Ngày 09/7/2020 Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 134/QĐ-UBND để điều chỉnh Quyết định số 1326/QĐ-UBND-BBT ngày 11/7/2005 của Ủy ban nhân dân Quận I để điều chỉnh số tiền bồi thường cho hộ bà N từ 144.800.000 đồng thành 1.386.870.360 đồng.

Ngày 09/7/2020 Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Quyết định số 111/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 543/QĐ-UBND-TTr ngày 26/12/2006, Quyết định số 429/QĐ-UBND-BBT ngày 01/8/2007 và Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 18/4/2014 của I.

Ngày 09/9/2022 Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 6469/QĐ-UBND bố trí tái định cư cho hộ bà N 02 nền đất.

Ngày 17/5/2023, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 5281/QĐ-UBND thu hồi giá trị bồi thường, hỗ trợ của diện tích 466m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm mặt tiền đường L của hộ ông Trần Hùng M1 do phần đất trên đã được bồi thường cho bà Trần Thị N là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân Quận I ban hành các quyết định nêu trên để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ bà Trần Thị Ngọc C liên quan đến phần 466m<sup>2</sup> mà bà N nhận chuyển nhượng lại từ ông T3. Qua xem xét toàn bộ hồ sơ

liên quan đến việc bồi thường cho bà N thì đều thể hiện bà N chỉ kê khai và yêu cầu bồi thường đối với diện tích đất 466m<sup>2</sup> chứ không phải 812m<sup>2</sup> và UBND thành phố T chỉ xem xét các chính sách bồi thường trên cơ sở diện tích đất 466m<sup>2</sup> của bà N đang sử dụng.

Đơn kháng cáo của đương sự cho rằng phần đất bà N nhận bồi thường là của ông M1, và do ông M1 ủy quyền cho bà N đi khiếu nại nên ông M1 phải được hưởng chính sách bồi thường đối với tổng diện tích đất 812m<sup>2</sup> mà ông M1 đang đứng tên trên GCNQSD đất là không có căn cứ và không phù hợp thực tế. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về nội dung yêu cầu nêu trên là có căn cứ. Do vậy đơn kháng cáo của ông M1, bà M bà B là không có căn cứ được chấp nhận.

[2.3] Xét kháng cáo của ông M1, bà M2, i bà B cho rằng diện tích đất 812m<sup>2</sup> bị thu hồi không nằm trong dự án khu Công nghệ cao; Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Báo cáo Kết luận số 659/BC-TTCTP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về Báo cáo kết luận, tại Phần III Kết luận, kiến nghị có nêu: Trong nội dung Thứ 2 của M3 1.1: "*Thứ hai, về công tác quy hoạch kế hoạch sử dụng đất*" và tại T7 27 có nêu: "*Tuy nhiên, Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở T9 có phối hợp với Công ty Đ1 (Bộ T10) và các đầu mối liên quan thực hiện việc xác định chỉ giới cụ thể Khu CNC trên bản đồ và các mốc giới chủ yếu trên thực địa, xây dựng hệ thống lưới tọa độ địa chính làm cơ sở đo vẽ, vị trí xác định ranh giới diện tích đất dự án để thành lập bản đồ hiện trạng để lập thủ tục giao - thuê đất số 18426/GĐ-TNMT ngày 22/4/2004, là đúng với Điều 2, Quyết định số 989/QĐTTg ngày 04/11/1998 của Thủ Tướng chính phủ*". Như vậy đơn kháng cáo cho rằng người bị kiện không chứng minh được diện tích đất 812m<sup>2</sup> thu hồi nằm trong dự án Khu công nghệ cao là không có cơ sở.

Do vậy kháng cáo về nội dung nêu trên của đương sự cũng không có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, bà Trần Thị M và ông Trần Hùng M1. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 97/2024/HC-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 60, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 173, Điều 187, Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính 2015;

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

- Căn cứ Điều 66, Điều 67, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011;

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt chính sách hỗ trợ bổ sung đối với 49 trường hợp có tính chất đặc thù tại Dự án Khu công nghệ cao Thành phố, Quận I theo kết luận của Thanh tra Chính phủ và kết luận, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa B1 tại Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng C1.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu hủy các Quyết định số:

- Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 18/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường vật kiến trúc của bà Nguyễn Thị B;

- Quyết định số 716/QĐ-UBND-BBT ngày 16/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ bà Nguyễn Thị B;

- Quyết định số 411/QĐ-UBND-BBT ngày 27/7/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về việc ban hành quyết định thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 716/QĐ-UBND-BBT ngày 16/4/2009;

- Quyết định số 2380/QĐ-UBND-BBT ngày 30/11/2011 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của ông Trần Hùng M1;

- Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 18/04/2014 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2380/QĐ-UBND-BBT ngày 30/11/2011;

- Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I về cưỡng chế thu hồi đất;

- Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (lần đầu);

- Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Trần Hùng M1.

3. Bác toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Trần Hùng M1 về việc yêu cầu hủy các Quyết định số:

- Một phần Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về phê duyệt chính sách hỗ trợ bổ sung đối với 49



trường hợp có tính chất đặc thù tại Dự án Khu công nghệ cao Thành phố, Quận I theo kết luận của Thanh tra Chính phủ và kết luận, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa B1 tại Thông báo số 370/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng C1;

- Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc điều chỉnh Quyết định số 1326/QĐ-UBND-BBT ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I;

- Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 543/QĐ-UBND-TTr ngày 26 tháng 12 năm 2006; Quyết định số 429/QĐ-UBND-BBT ngày 01 tháng 8 năm 2007 và Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận I;

- Quyết định số 6469/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về bố trí tái định cư nền đất đối với hộ bà Trần Thị Ngọc T4 dự án đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao;

- Quyết định số 5281/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi giá trị bồi thường, hỗ trợ của diện tích 466m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm thuộc một phần thửa 1025 tờ bản đồ số 3 theo TL02/CT-UB tại phường T, thành phố T đối với hộ ông Trần Hùng M1 trong dự án Khu C.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B, bà Trần Thị M và ông Trần Hùng M1 mỗi đương sự phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004371, 0004370 và 0004369 ngày 22/5/2024 do Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh lập.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (3)
- NCQLNVLQ; (5)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Xuân Thành**